

NGHI LỄ PHẬT GIÁO CỔ TRUYỀN Ở NAM BỘ

Phí Thành Phát^{1}*

1. Bối cảnh nghi lễ Phật giáo buổi đầu ở Nam Bộ

Vào buổi đầu của cuộc Nam tiến, hoàn cảnh xã hội của vùng đất Nam Bộ khá phức tạp, dân cư thưa thớt, phải cùng nhau quy tụ nhau lại để khai hoang lập ấp, phát triển sản xuất, đồng thời phải chống trả với thiên tai, thú dữ. Sinh mạng con người đều bị đe dọa, họ phó thác cho trời, Phật phù hộ và việc thờ trời cúng Phật là việc không thể thiếu được trong cuộc sống của người dân lúc đó. Bây giờ, Phật giáo hiện diện qua các am tranh, nhu cầu ban đầu của cư dân là cầu an khi đau yếu và cầu siêu khi có người thân qua đời². Phật giáo khi này đã là chỗ dựa, là điểm tựa tinh thần trong việc đáp ứng được nhu cầu tâm linh của người dân.



Chùa Giác Viên – Trung tâm đào tạo nghi lễ Phật giáo của Nam Bộ xưa (ảnh Phí Thành Phát)

Qua hai lượt tập hợp chư tăng tu học và khai kỳ truyền giới vào năm Giáp Thìn (1844) và năm Kỷ Dậu (1849), Hòa thượng Hải Tịnh nhận chân được tâm lý chư tăng và tín đồ hiện tại ưa ứng phú hơn là đến pháp hội nghe kinh. Hòa thượng cũng nhận thấy được mặt lợi hại của khoa nghi ứng phú, nhưng ngài cũng nhận xét rằng: “Mời chư tăng đến

nhà kỳ nguyện rất tiện lợi cho những nhà ít người; thứ hai là chỉ một ông tăng tụng kinh, tiếng kinh nghe khan khan, nghĩa kinh không hiểu biết thì dễ làm cho tín đồ nghiêng về khoa ứng phú vì ứng phú là khi hành lễ, tuy có tụng kinh, nhưng tiếng kinh

^{1*} **Thị trấn Trảng Bàng, huyện Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh. Email: phithanhphat1997@gmail.com. Điện thoại: 078.629.9678.**

Tác giả trân trọng cảm ơn Thượng tọa Thích Thiện Chánh (chùa Phước Lưu, huyện Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh) đã cung cấp tài liệu cho bài viết.

² Trần Hồng Liên (2007), *Phật giáo ở Thành phố Hồ Chí Minh*, Nxb Tổng hợp Thành phố Hồ Chí Minh - Nxb Văn hóa Sài Gòn, tr.36.

lại có trầm có bổng, có tiếng đầu tăng nhịp nhàng nghe thâm u trầm lắng, gợi nhớ gợi thương như thiết tha cầu nguyện”³.

Năm Canh Tuất (1850), Hòa thượng Hải Tịnh đổi hiệu Quan Âm các thành Giác Viên tự và lấy đó làm cơ sở chính để học tập khoa ứng phú, còn chùa Giác Lâm là cơ sở học tập và nghiên cứu tam tạng giáo điển. Từ đó, việc cải tiến và phát triển khoa ứng phú ở chùa Giác Viên đã thu hút chư tăng khắp lục tỉnh Nam Kỳ về đây học tập, trao đổi. Chùa Giác Viên đã trở thành trung tâm đào tạo và hoạt động ứng phú cho cả Nam kỳ. Với quan niệm của các vị tổ xưa rằng “*lý sự viên dung*” việc học tập về giáo lý phải song song với việc học tập nghi lễ, để ứng dụng tốt vào việc tu tập và hoằng pháp độ sinh nên nhiều vị sư ở khắp các tỉnh vùng Nam Bộ mở lớp dạy Gia giáo đào tạo tăng tài tại chùa trong đó có phần dạy về nghi lễ Phật giáo. Những hoạt động giảng dạy, đào tạo về nghi lễ Phật giáo ở Nam Bộ dần trở nên phổ biến rộng rãi và phát triển mạnh mẽ. Chính vì vậy, khoa nghi ứng phú đã trở nên quy củ và bài bản hơn trước.

2. Nghi lễ Phật giáo cổ truyền Nam Bộ

2.1 Nghi lễ thiền môn

Nghi lễ thiền môn là các bộ môn, nghi thức thực hành nghi lễ Phật giáo tại chùa và được thực hiện trong các thời khóa công phu tu tập mỗi ngày và định kỳ theo lịch cúng ở chùa.

Nghi thức công phu khuya, được thực hiện vào lúc 4 giờ khuya, tất cả đại chúng trong chùa vân tập cúng nước ở các ban thờ và thực hiện nghi thức tụng chú Lăng Nghiêm, chú Đại Bi, Thập chú, Bát Nhã tâm kinh, tụng sám Quy mạng, sám Phổ Hiền và tán lễ Phật tại chính điện có sử dụng đến chuông, mõ, khánh, tiểu chung, bản, đại hồng chung và trống công phu. Khi tụng những câu kinh, bài chú nhịp nhàng hòa với tiếng mõ, tiếng chuông, những điệu tán với trống vang lên trong đêm sẽ giúp người công phu cảm nhận được sự thanh tịnh ở thân và tâm, dễ thâm nhập từng câu chữ trong kinh để thấu hiểu những lời dạy của đức Phật. Ngoài ra, khi hành trì người công

³ Huỳnh Ngọc Trảng (2019), *Gia Định – Sài Gòn hò, hát, lý, vè và diễn xướng lễ hội*, Nxb Văn hóa – Văn nghệ, TP. Hồ Chí Minh, tr.378.

phu phải tưởng nhớ đến ơn của chư Phật và hồi hướng công đức đến khắp tất cả chúng sinh, như vậy không phải chỉ tu cho chính mình mà còn làm lợi lạc cho chúng sinh.

Nghi thức cúng Ngọ, được thực hiện vào lúc 11 giờ trưa, tất cả đại chúng trong chùa cùng vân tập cúng cơm Phật và thực hiện nghi thức tụng Bát Nhã tâm kinh, đọc bài Đại Cúng dường, tán Phổ Cúng dường tại điện Phật. Tiếng kinh hòa trong tiếng mõ, chuông và khánh. Đây là nghi thức cúng dường Phật, bát cơm dâng Phật có ý nghĩa biểu trưng cho tấm lòng thành kính hướng về chư Phật, ngoài ra trong nghi thức cúng Ngọ còn phổ đồng cúng dường đến chư Hiền thánh và chúng sinh trong lục đạo.

Nghi thức Quá đường, được thực hiện sau thời khóa cúng Ngọ. Trong nghi thức dùng tiếng khánh làm hiệu lệnh và tán tụng. Trước khi thọ trai, cử hành nghi thức cúng dường Tam Bảo, quán tưởng *Tam đề*, *Ngũ quán* và sau đó giữ chính niệm trong lúc ăn. Đây là nghi cách đặc biệt trong việc tri ân và báo ân ngay trong bữa ăn. Ngoài ra, trong nghi thức Quá đường có phần cúng Xuất sanh là cúng một phần thức ăn cho đại bàng, mẹ con quỷ La Sát và các loài quỷ thần ngoài đồng trống,...

Nghi thức công phu chiều, được thực hiện vào lúc 16 giờ, đây là thời khóa tụng kinh A Di Đà và Mông Sơn thí thực tại điện Phật và ban thờ Tiêu Diện Đại Sĩ ở trước sân chùa có dùng chuông, mõ, khánh, tiểu chung, bản, đại hồng chung và trống công phu. Đây là thời khóa cúng thí thực và siêu độ cho các loài cô hồn ngạ quỷ lang thang, khổ sở trong chốn u minh, nghi thức này còn mang ý nghĩa về lòng từ bi vô lượng của đạo Phật nhằm cứu độ mọi loài chúng sinh còn trôi nổi trong ba đường dữ.

Nghi thức Tịnh độ, được thực hiện vào lúc 19 giờ tối. Đây là thời khóa tụng kinh có chư tăng, ni và tín đồ Phật tử, tiếng kinh hòa trong tiếng mõ, chuông, khánh, đại hồng chung nhịp nhàng giúp người tụng dễ thâm nhập ý kinh. Vào các ngày 14 và 30 âm lịch hằng tháng thời Tịnh độ thực hiện nghi thức sám hối. Sau thời Tịnh độ là nghi Chúc Vi Đà Hộ Pháp, nghi thức tụng chú Thiện Thiên Nữ, vị sám chủ quỳ chúc Hộ Pháp, phục nguyện và tán bài “*Vi Đà thiên tướng, Bồ tát hóa thân, ủng hộ Phật pháp thế hoằng thâm, bảo sử trấn ma quân, công đức nan luân, kỳ đảo phó quân tâm*” theo lối tang 2 mõ 1 trong tiếng mõ và khánh⁴.

⁴ Thích Hoàn Quan (2015), *Nghi lễ và bách sự nhật dụng*, Nxb Đồng Nai, tr.153-155.

Nghi thức Chúc tán, trong nghi thức này gồm có: Chúc Tam Bảo, Chúc Hộ Pháp, Chúc Vua, Chúc Tổ sư, Chúc Linh Sơn Thánh Mẫu, Chúc Già Lam, Chúc Giám Trai và lạy Thù ân được thực hiện kết hợp vào thời khóa công phu khuya ngày sóc, vọng (tức mùng 1 và 15 âm lịch) hằng tháng. Trong khóa lễ này do vị trụ trì chùa đương vi sám chủ lễ, một vị duy na đánh chuông, một vị duyệt chúng đánh mõ, một vị đánh khánh, một vị đánh trống, một vị bung khai lễ, các vị trung khoan và đại chúng ở chùa cùng tán tụng, bên cạnh đại hồng chung có vị tư chung trực để động chuông xuyên suốt trong thời gian diễn ra khóa lễ.



Lễ Tảo tháp chùa Phước Lưu (Trảng Bàng, Tây Ninh) (ảnh Phi Thành Phát)

hiếu đồ tham dự trong khóa lễ. Cử ba hồi chung cổ Bát Nhã, ban lễ sư vân tập Tổ đường đánh lễ tổ sư rồi tiến ra tháp tổ làm lễ tảo tháp. Với hình thức này, các hiếu đồ tăng, ni, tín đồ Phật tử vừa quét nhiễu quanh tháp, vừa hành lễ tán tụng, niệm Phật và vừa tưởng nhớ đến công lao của các vị tổ sư.

Nghi thức lễ tống – nghinh chư Thiên, nghi tống chư Thiên được cử hành sau thời Tịnh độ tối ngày 23 hoặc 25 tháng chạp âm lịch, nghi thức này do vị trụ trì chùa đương vi sám chủ lễ, Thầy cả nguyện hương, đại chúng tán tụng theo lời xướng của Sám chủ, trước khi kết thúc khóa lễ tán bài “*Thiên địa thủy nhạc, tứ phủ vạn linh, bãi niên lập ngoạn tống vân trình, bửu giá triều cung thiên, tống đạt tâm cung, giáng phúc vĩnh vô cùng*”⁵ rồi hồi hướng, trở ba hồi chung cổ Bát Nhã cung tống chư Thiên. Bắt đầu từ lúc này, các dùi chuông, mõ, trống đều được đem cất, tạm dừng các

Lễ tảo tháp, đây là phần lễ quét dọn và đi nhiễu quanh các tháp tổ trong ngày giỗ. Nghi thức này do vị trụ trì chùa đương vi sám chủ lễ, một vị duy na, một vị duyệt chúng, một vị vĩ thuận, một vị vĩ nghịch, một vị đánh trống, một vị bung khai lễ, một vị cầm chổi quét tháp, các vị trung khoan cùng tụng kinh, hòa lễ và các

⁵ Giáo thọ Từ Quang (1924), *Nghi Tống – Nghinh chư Thiên* (Hán văn), Tài liệu do Thượng tọa Thích Thiện Chánh (chùa Phước Lưu, huyện Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh) cung cấp.

hoạt động công phu để đại chúng ở chùa thực hiện công tác vệ sinh tượng Phật, bàn thờ, chùi lư, quét dọn, trang trí,...chuẩn bị đón tết. Nghi nghinh chư Thiên được cử hành vào trước giờ Tịnh độ tối. Thầy cả nguyện hương, đại chúng vân tập đánh lễ Tam Bảo, khai chung bản tiêu, khai chung cô đại, đại chúng tán bài Dương chi, tụng chú Đại Bi theo lời xướng của Sám chủ, rồi tán bài “*Thiên chơn địa thánh, thủy triết dương hiền, tứ phủ la liệt biến sum vinh, hộ pháp chúng chư thiên, phổ phổ pháp viên, giáng phước vĩnh vô cùng*”⁶, trở ba hồi chung cổ Bát Nhã nghinh chư Thiên. Nhưng cũng tùy vào từng vùng miền mà các tổ biên soạn lời văn trong nghi thức tống – nghinh chư Thiên có khác nhau, qua đây đã phần nào thể hiện được sự sáng tạo trong cách hành đạo của chư tổ xưa.

Từ ngày 25 tháng chạp âm lịch, các chùa thực hiện nghi thức xếp bút dừng các hoạt động về công văn sổ giấy, nghi thức này cũng tương tự như lễ xếp ấn ở các đình làng Nam Bộ. Vào các ngày từ 30 tháng chạp đến ngày mùng 3 tháng giêng, ở các chùa cúng cơm canh ở bàn thờ tổ sư, Quá đường, chư vị hữu công với chùa cùng chư hương linh,... vào thời cúng Ngọ giống như cách cúng gia tiên vào ngày tết trong các gia đình truyền thống người Việt. Đêm giao thừa, đại chúng vân tập Tổ đường đánh lễ tổ sư, lên chính điện lễ Phật sau trở về Thánh Tăng đường các môn đồ đánh lễ và chúc tết bốn sư. Thầy trụ trì đại diện chùa chúc tết đến tín đồ Phật tử và sau đó có chùa tụng khai kinh Dược sư. Ngày mùng 3 tết, chùa cử hành cúng tết chùa, cúng giêng và khai bút đầu năm. Những nghi lễ thiên môn vào ngày tết đã phần nào có sự ảnh hưởng mạnh mẽ từ dân gian và trở thành nét đặc trưng cho Phật giáo Nam Bộ.

2.2 Khoa nghi ứng phú

Khoa nghi là các bộ môn thực hành nghi lễ của Phật giáo. *Ứng* là mời, *Phú* (phó) là đi đến. *Ứng phú* là đến một nơi nào đó để thực hành các nghi lễ theo lời mời của bá tánh, hiểu nôm na là “đi làm đám”. *Khoa nghi ứng phú* là các bộ môn nghi lễ Phật giáo đem ra thực hành ở các cuộc lễ theo yêu cầu tín ngưỡng của công chúng rộng rãi nhằm khế hợp với cơ duyên của thế nhân hầu qua đó hoằng hóa chúng sinh theo chủ

⁶ Giáo thọ Từ Quang (1924), *Nghi Tống – Nghinh chư Thiên*, Tlđđ.

trương “*dĩ huyễn độ chơn*”, tức vận dụng các hình thức, phương tiện diễn xướng nghi lễ nhằm truyền bá đạo pháp⁷.

Các khoa nghi ứng phú có nhiều nguồn gốc khác nhau. Có nhiều nghi lễ bắt nguồn từ Phật giáo, nhưng cũng có một số nghi lễ tuy trên danh nghĩa là của Phật giáo nhưng bị ảnh hưởng hay mượn hình thức của Nho giáo, Đạo giáo, những đạo lý, tín ngưỡng từ dân gian, văn hóa bản địa theo quan niệm “*tam giáo đồng nguyên*” hoặc “*dĩ huyễn độ chơn*”. Hiện nay, có khoảng 50 khoa nghi khác nhau thuộc lĩnh vực chúc thọ, cầu an, cầu siêu, tang ma, nương tinh, giải hạn, tam nguyên, tứ quý cùng nhiều nghi lễ thuộc Phật giáo như trai tăng, tống tăng, kỵ tổ, các lễ chính của Phật giáo như Phật đản, Vu lan, ... cũng diễn xướng theo nghệ thuật ứng phú đạo tràng⁸. Đặc biệt các khoa nghi sử dụng nhiều thần chú, ấn quyết theo Mật tông Phật giáo kết hợp với âm điệu diễn xướng, pháp khí, cùng hình thức bày biện đàn lễ và nghi lễ trang nghiêm khiến không khí buổi lễ trở nên huyền bí, hấp dẫn người nghe nên dễ thâm nhập ý kinh và phổ biến đến đại chúng⁹. Nên cũng chính vì vậy mà khoa nghi ứng phú là một trong những phương tiện hoằng pháp mà chư tổ thực hiện và lưu truyền đến ngày nay.

Ban kinh sư ứng phú thường có 5, 7, 9 hoặc 11 vị sư gồm có một vị Sám chủ (Đàn cả, Thầy cả); hai vị tả, hữu Dạ đà đánh tum và phụ tá việc tán tụng hai bên trái, phải vị Sám chủ khi làm khoa hoặc trong đàn Trình thập cúng; một vị Duy na đánh chuông; một vị Duyệt chúng gõ mõ; hai vị đánh đầu, một vị Vĩ thuận và một vị Vĩ nghịch; bốn vị Trung khoan phụ tá việc tụng kinh; một vị Tư chung động đại hồng chung (chuông lớn); một vị Tư cổ đánh đại cổ (trống lớn).

Pháp phục của ban kinh sư, đối với vị Thầy cả: áo hậu vàng, xanh hoặc áo bá nạp tùy vào từng khoa lễ; đắp hồng y; khi vào đám lễ Nhập tịch, Khai kinh, cúng Phật, cúng Ngọ, Thầy cả vẫn trong đàn Trình thập cúng đầu đội mão Hiệp Chương, khi làm khoa, Thầy cả đàn Chân tế đầu đội mão Tỳ Lô, ngoài ra trong lễ Nhập tịch hay Thầy cả võ trong đàn Trình cũng có thể đội mão Quan Âm; chân đi hia hoặc dầy. Đối với vị Pháp sư đăng tòa thuyết pháp, mặc áo hậu, đắp y, đầu đội mão Hiệp Chương, chân đi

⁷ Huỳnh Ngọc Trảng (2019), *Gia Định – Sài Gòn hò, hát, lý, vè, và diễn xướng lễ hội*, Sđd, tr.376.

⁸ Huỳnh Ngọc Trảng (2019), *Gia Định – Sài Gòn hò, hát, lý, vè, và diễn xướng lễ hội*, Sđd, tr.380.

⁹ Huỳnh Ngọc Trảng (2019), *Gia Định – Sài Gòn hò, hát, lý, vè, và diễn xướng lễ hội*, Sđd, tr.384.

hia hoặc dày. Các vị trong ban kinh sư không đội mũ, mặc áo hậu vàng, đắp y, chân đi dày. Ngày nay, kinh sư thường có đồng phục quy định theo từng ban để có sự thống nhất và trang nghiêm đạo tràng khi hành lễ.

Pháp khí của ban kinh sư gồm có: *thủ lục; khăn án; tích trượng; gậy như ý; linh; bút* và *gương*; trong phần Khai xá; *bút đề phan; phát chú*; trong đàn Chấn tế phải có *linh, ngũ cổ, giáng ma sư, đao,...* Trong đó, linh là loại chuông lắc của Mật tông, trên cán linh có tám khía tượng trưng cho bát chính đạo, trên thân linh có hình tượng Phật và nhiều hoa văn của Mật tông.

Nhạc cụ của ban kinh sư ứng phú gồm có: *thủ xích* (của Sám chủ dùng để gõ nhịp), *chuông, mõ, khánh, tiểu chung, bản, linh, đại hồng chung, đại cổ, trống đạo, đồ đường, chấp chõa,...* đặc biệt nghi lễ Phật giáo cổ truyền Nam Bộ phải có *tum* và *đầu*, nếu không có thì khoa nghi đó đã cải cách không còn bản chất cổ truyền nữa.

Các điệu xướng tụng trong khoa nghi ứng phú rất đa dạng, gồm: *bạch* là câu trình bày, thường có ở giai đoạn đầu của một nghi tiết, khi đàn chủ xướng lời bạch thì có đờn hòa theo; *nói* là câu nói bình thường nhưng đồng dục, có lên xuống giọng, khi nói không có âm nhạc; *thỉnh* là nói đồng dục, nội dung mời thỉnh chư Phật, chư Bồ tát, hiền thánh, khi thỉnh Thầy cả phải đứng trang nghiêm, chấp tay hoặc cầm thủ lục, đại chúng hòa theo câu “*hương hoa thỉnh*”; *nguyện* là lời cầu nguyện; *đọc* là đọc to, có ngâm nga, được chia ra hai cách đọc số và đọc sám; *tụng* là cách đọc đều đều theo nhịp mõ; *vịnh* là ngâm vịnh một bài kệ; *tán* có nghĩa là khen, khi tán phải theo nhịp đầu, tum hoặc nhạc lễ, tán là điệu thức phổ biến và quan trọng nhất trong nghệ thuật khoa nghi ứng phú. Các điệu tán ứng phú thường đưa hơi ngâm nga bằng câu “*i...a*” thay vì “*ư...ư*” như hát bội hoặc “*hò...hơ*” như hò¹⁰.

Ngoài ra, với các nghi lễ Phật giáo cổ truyền Nam Bộ không thể thiếu những điệu múa, những nghi thức đặc trưng của các vị tăng, các bước đi với vũ đạo như sân khấu cũng là một nghệ thuật không phải ai cũng thực hiện được mà tất cả đều được học và tập luyện rất công phu.

2.2.1 Trai đàn nhị nhựt

¹⁰ Huỳnh Ngọc Trảng (2019), *Gia Định – Sài Gòn hò, hát, lý, vè, và diễn xướng lễ hội*, Sđd, tr.381-383.

Trai đàn nhị nhựt có nghĩa là thiết lập đàn tràng trang nghiêm, thanh tịnh với nhiều nghi thức khoa nghi ứng phú diễn ra trong hai ngày để cầu nguyện âm siêu dương thái và là một phương tiện đưa Phật pháp đến gần hơn với đại chúng nhằm hóa độ chúng sinh. Bài viết đề cập đến Trai đàn nhị nhựt trong đám làm tuần được tổ chức tại tư gia theo lời thỉnh cầu của gia chủ.

❖ *Trước ngày vào đám*

Lễ thỉnh, đây là nghi thức gia chủ đến chùa thỉnh sư đến nhà làm đám Trai đàn (phải đi thỉnh trước ngày làm đám 10 ngày hoặc nửa tháng). Gia chủ đến chùa cảm theo khai lễ có đôi đèn cầy, bó nhang, hộp trà, trầu cau và tiền lễ thỉnh. Lên Tổ đường, đặt khai lễ lên bàn thờ tổ, gia chủ tác bạch thỉnh sư. Sau khi sư nhận lễ thỉnh, coi như



*Gia chủ đến chùa thỉnh sư làm đám Trai đàn
(ảnh tư liệu)*

thỉnh các vị Hòa thượng chứng minh, ban vị sư phải đi đặt hoặc tự làm trước tượng bằng giấy để phục vụ trong các khoa cúng.

Gia chủ cất hai cái rạp để làm nơi thiết trí bàn thờ và nhà dưỡng tăng. Cách bố trí các ban thờ như ở chùa gồm có bàn thờ Phật treo bức *Tam Bảo toàn Phật*; trước bàn Phật đặt bộ tranh *Ngũ Hiền thượng kỳ thú* (bộ Sám bài) đại diện

cho Phật đây cũng là điểm đặc trưng riêng của Phật giáo vùng Nam Bộ, trên bàn thờ có đặt kinh đại diện cho Pháp và vị tăng đứng hành lễ nên bàn thờ này gọi là bàn Tam Bảo; sau bàn Phật là bàn thờ tổ Đạt Ma theo lối “*tiền Phật hậu tổ*”, đối diện với bàn Phật là bàn Vi Đà Hộ Pháp, sau bàn thờ Hộ Pháp quay ra ngoài là bàn thờ Tiêu Diện Đại Sĩ, hai bên là các bàn thờ Thập Điện Diêm Vương, Thiện Hữu, Ác Hữu, trước bàn thờ vong có bàn thờ Địa Tạng Bồ Tát, tại tợ của Hòa thượng chứng minh có long vị thờ tổ có nội dung: “*Cung thỉnh chư vị Tổ Sư ứng phú đạo tràng tọa vị*”. Ngoài ra, còn bày trí đại hồng chung, đại cổ, tiểu chung, bản, chuông gia trì, mõ, khánh, trống công phu, trống đạo, đồ đường như ở chùa.

❖ *Chức sự trong Trai đàn nhị nhựt*

Trai đàn cung thỉnh 4 vị Hòa thượng gồm Hòa thượng Chứng minh, Hòa thượng Sám chủ, Hòa thượng Pháp sư và Hòa thượng Thư ký và 5, 7, 9 hoặc 11 vị trong ban kinh sư. Trong đó, Hòa thượng Chứng minh là vị cao tăng đức độ được cung thỉnh chứng minh cho đám Trai đàn, Sám chủ lễ Nhập tịch (vào đám) và đáp từ lễ Trai tăng do Hòa thượng thực hiện, ngoài ra ngài là người kiểm duyệt và đóng ấn lên sớ, điệp trước khi làm lễ. Hòa thượng Sám chủ là người nhận đám, Hòa thượng điều hành lễ Khai kinh, cúng Ngọ, Đền phan và Chẩn tế, ngoài ra ngài còn điều phối hết các công việc trong đám Trai đàn. Hòa thượng Pháp sư phụ trách việc giảng kinh, thuyết pháp. Hòa thượng Thư ký phụ trách việc viết công văn, sớ, điệp và lập bảng thanh quy công cử chức sự trong đám Trai đàn rồi trình lên Hòa thượng chứng minh.

❖ **Chương trình và lược giải ý nghĩa các khoa nghi trong Trai đàn nhị nhật**

- Ngày thứ nhất

1. *Lễ Hưng tác.* Lễ này với mục đích cung thỉnh và báo cáo rõ việc tiến hành nghi lễ đến thần Thành Hoàng Bản Cảnh, cùng các thần linh sở tại. Riêng lễ này do 2 vị sư thực hiện còn các phần khoa cúng khác có 5 vị sư trở lên. Trong lễ Hưng tác có đọc sớ, có nhạc lễ nhưng không dùng nhạc cụ trong đàn tràng hay của ban kinh sư.

2. *Lễ Nhập tịch.* Đây là nghi thức vào đám, khai chung bản. Khai chung bản là một nghi lễ long trọng của Phật giáo, nội dung chính của lễ này là làm thủ tục khai tiểu chung, bản, đại hồng chung, đại cổ, chuông, mõ gia trì và nhạc lễ rồi trôi ba hồi Bát Nhã thỉnh chư Phật giáng lâm. Sau đó, các nhạc công đánh *lớp xô* và đánh *trống đàn* khai lễ vào đám, nhưng hiện nay có một số ban nhạc lễ đánh bản *ngành thiên tiếp giá* trong nghi thức cúng đình vào nghi lễ của Phật giáo.

3. *Lễ thỉnh vong tại mộ.* Đây là nghi thức ra mộ thỉnh vong hồn người quá vãng về dự đám Trai đàn. Vị Thầy cả mặc áo hậu, đắp hồng y, đầu đội mũ Tỳ Lô, chân đi hia, tay cầm tích trượng như Bồ tát Địa Tạng dẫn vong, theo sau là chiếc cầu làm bằng vải trên có in hình 9 hoa sen tượng trưng cho “*Cửu phẩm liên hoa*” để đưa vong về. Trong đoàn đi thỉnh vong có ban nhạc lễ cùng đi.

4. *Khoa Mộc dục.* Đây là nghi thức tắm gội vong linh. Tắm vải Cửu phẩm liên hoa được che kín hết rạp nơi hành lễ. Ban kinh sư hành lễ tán tụng, vị Thầy cả dùng

nước thơm nấu từ lá bưởi và 5 loại hoa đặt trước bàn Hộ Pháp vẩy vào bài vị vong linh làm nghi thức mộc dục.

5. *Lễ Quy y vong*. Đây là nghi thức ban kinh sư làm lễ quy y Tam Bảo cho vong linh. Khi vong linh quy y Phật không bị đọa địa ngục, quy y Pháp không đọa ngạ quỷ và quy y Tăng rồi không đọa bàng sanh. Vong linh đã quy y gọi là “*huong linh*”.

6. *Lễ cúng Từ đường*. Đây là nghi thức cúng ông bà tổ tiên, do 2 vị sư thực hiện và có nhạc lễ.

7. *Khoa Trí linh*. Đây là nghi thức cúng cơm vong. Ban kinh sư làm khoa, vị Thầy cả với các bước đi theo điệu *Thất tinh* dẫn gia chủ dâng cơm lên hương linh.

8. *Lễ Cúng Ngọ*. Đây là nghi thức cúng Ngọ tiều, cúng cơm Phật và phổ đồng cúng dường chư Hiền thánh và chúng sinh trong lục đạo như nghi thức ở chùa. Ban kinh sư tán tụng hòa trong nhạc lễ và nhạc cụ của ban kinh sư ứng phú.

9. *Khoa Nghinh thần chủ*. Đây là nghi thức nghinh thỉnh đức Địa Tạng Vương Bồ Tát. Ban kinh sư tán tụng hòa trong nhạc lễ và nhạc cụ của ban kinh sư ứng phú.

10. *Khoa Trình lục (hoặc thập) cúng*. Là nghi thức hiến lễ gồm hương, hoa, đăng, trà, quả, thực cúng dường Phật và hồi hướng cho tín chủ hiện tiền được tăng long phước thọ, quá khứ tiên linh siêu sinh Cực Lạc. Nghi thức do 2 vị Thầy cả cùng ban kinh sư, học trò lễ thực hiện hiến cúng. Thầy cả vẫn cùng hai vị tả, hữu Dạ đà tán tụng bằng nhiều giọng điệu khác nhau như nói lối, tư rơi, xuân nữ, nam ai, nam xuân, bùa và hò quảng được các vị kinh sư linh hoạt dùng trong khi hành lễ hòa trong tiếng tụng, đầu và nhạc lễ. Với vị Thầy cả võ bằng các bước chân theo điệu *Thất tinh*, tay cầm khăn ấn (hoặc linh) dẫn học trò lễ dâng lễ vật. Bốn vị học trò lễ được chia đứng hai bên vị Thầy cả võ, hai vị đứng trước cầm đăng, hai vị đứng sau cầm đài. Trong đàn trình, các học trò lễ sẽ xang nhiều bộ, điệu khác nhau như xang *cánh phượng*, xang *bát quái*, xang *ngũ hành*, xang *tứ tượng* và xang *lôi tối*.

11. *Khoa Mông chung*. Là lễ thỉnh Phật, Bồ Tát giáng lâm đàn tràng chứng minh công đức. Ban kinh sư tán tụng hòa trong nhạc lễ và nhạc cụ của ban kinh sư ứng phú.

12. *Khoa Phát tấu, Phần chỉ và Khai xá*. Đây là nghi thức cúng đồ và tấu trình với Thập Điện Minh Vương và Tam phủ gồm Thiên phủ, Địa phủ và Thủy phủ. Ban kinh sư tán tụng hòa trong nhạc lễ và nhạc cụ của ban kinh sư ứng phú. Sau khi Thầy

cả đọc điệp, một vị kinh sư thực hiện khai quang vị sứ giả cõi tứ bất tướng để nhờ sứ giả mang điệp trình với Thập Điện Minh Vương. Sau phần Khai xá, một vị Thầy cả khác bước ra múa đuốc để đốt hình nộm sứ giả để sứ giả lên đường đi trình điệp, gọi là nghi Phân chi (đốt giấy) nghi thức này còn được gọi là “*múa rọi*” hay “*đi rọi*”.

13. *Công phu chiêu*. Là khóa lễ cầu siêu thập loại cô hồn theo lệ thường ở chùa.

14. *Lễ Khai kinh đàn*. Đây là nghi thức tán tụng khai kinh kệ. Trong khóa lễ, ban kinh sư đi nhiều đàn tụng chú *Phổ am* nên gọi là “*Huân đàn Phổ am*” mà dân gian thường gọi là “*chạy kinh đàn*” hay bị đọc trại âm là “*chạy kim đàn*”. Huân đàn do vị Duy na dẫn đầu, đi theo chiều thuận, chiều nghịch và xang lồi tối. Sau khi vị Sám chủ đọc sớ cúng khai kinh bạch Phật, một vị kinh sư thực hiện khai quang vị Xá sai sứ giả cõi bạch hạc nên nghi này còn gọi là “*Khai Xá hạc*” để nhờ sứ giả về Tây phương dâng sớ lên Phật tổ Như Lai để đạt nguyện vọng khẩn cầu của cả Trai đàn pháp hội. Lễ Khai kinh có nhạc lễ và nhạc cụ của ban kinh sư ứng phú.

15. *Hòa thượng Pháp sư thăng tòa thuyết pháp và giảng kinh*.

16. *Lễ Đền phan*. Đây là nghi thức ban thụ, ban hiệu và tặng chữ cho người mất. Chữ được vị Thầy cả đề trên lá phan (hay tấm triện) trong lời tán tụng của ban kinh sư hòa vào tiếng đầu và nhạc lễ. Sau khi phan đền xong, được gắn vào đầu phan rồi đem phân hóa.

- Ngày thứ hai

17. *Công phu khuya*. Đây cũng là khóa lễ trong nghi lễ thiền môn ở chùa.

18. *Ban nhạc lễ tấu nhạc (hòa đờn) cúng dường*.

19. *Lễ Bái sám Hồng danh*. Là nghi thức sám hối tán tụng kinh Hồng danh chư Phật có chuông, mõ, đầu của ban kinh sư và nhạc lễ.

20. *Lễ Cúng Ngọ*. Đây là nghi thức lễ cúng Ngọ đại hườn đàn, cúng cơm Phật và phổ đồng cúng dường chư Hiền thánh và chúng sinh trong lục đạo. Ban kinh sư tán tụng hòa trong nhạc lễ và nhạc cụ của ban kinh sư ứng phú, có đọc văn sớ dâng Phật.

21. *Lễ Cúng dường Trai tăng*. Là phần lễ gia chủ dâng thực phẩm và đồ tứ sự cúng dường chư Tăng. Gia chủ tác bạch cúng dường, Hòa thượng Chứng minh đại diện chư tăng ban đạo từ, pháp nhủ. Đại chúng phục nguyện, hồi hướng và cử hành nghi thức Quả đường, cúng Xuất sanh rồi thọ trai.

22. *Cúng vong*. Là nghi thức cúng cơm vong. Nghi này do 2 vị sư tán tụng hòa trong nhạc lễ; có 4 vị học trò lễ (2 đấng, 2 đài) dâng 1 tuần hương, 3 tuần rượu, 1 tuần cơm, 1 tuần trà cúng vong. Trong các lần dâng lễ, học trò lễ có hai lần xang theo điệu *tứ tượng* và *lôi tối*.

23. *Trai đàn Chấn tế*. Đàn Chấn tế là khoa nghi cuối cùng của lễ Trai đàn và cũng là khoa nghi quan trọng nhất. Đàn Chấn tế có hai khoa là Du Già đại khoa và Mông Sơn thí thực trung khoa, nhưng phần lớn các đàn đều cúng Mông Sơn thí thực. Khoa nghi này có ý nghĩa phổ đồng cúng



Trai đàn Chấn tế tại tư gia (ảnh Phi Thành Phát)

dường cho thập loại cô hồn; để cô hồn, naga quỷ đến pháp hội lễ bái chư Phật, nghe thuyết pháp, nhận của bố thí và nương tựa công đức này được siêu sinh Tịnh độ¹¹. Khoa nghi này thật sự là bản bi hùng ca có nội dung cảnh tỉnh thế gian hồi đầu hướng thiện¹². Đàn Chấn tế dùng nhiều ẩn chú kết hợp với tán tụng của các vị tăng hòa trong nhạc lễ và các nhạc cụ của ban kinh sư. Lòng trong mỗi câu chữ của vị Sám chủ xướng lên là những giáo pháp từ bi của đạo Phật thông qua phương tiện là nghi lễ nhằm nhắc nhở đến mọi người đang tham dự trong pháp hội.

24. *Hồi sư – Lễ tất*.

Ngoài ra, các đám Trai đàn ở khu vực miền Tây Nam Bộ thường có lễ Thượng phan còn được hiểu là lễ treo phantín hiệu của lễ khai đàn Chấn tế. Hay các đám Trai đàn tổ chức ở chùa trong các ngày lễ vía có thêm khoa Tịnh trừ thỉnh Giám Trai sứ giả, khoa Cấp thủy thỉnh Hà Bá, Thủy Quan và khoa nghi Thỉnh Thánh,... Với các lễ hỷ kỵ tổ sư không có làm khoa nhưng có phần cúng Tiến sư cũng có diễn xướng nghi lễ, nhạc lễ và hiếu đồ dâng lễ vật. Đặc biệt, trong lễ vía Linh Sơn Thánh Mẫu ở chùa Linh Sơn Tiên Thạch (núi Bà Đen, Tây Ninh) được cử hành theo nghi thức Phật giáo

¹¹ Bích Liên, Nguyễn Văn Thoa (2016), *Mông Sơn thí thực khoa nghi*, Nxb Tôn giáo, Hà Nội, tr.7-8.

¹² Huỳnh Ngọc Trảng (2019), *Gia Định – Sài Gòn hò, hát, lý, vè, và diễn xướng lễ hội*, Sđd, tr.395.

cổ truyền với các khoa nghi ứng phú và có sự kết hợp của nghi lễ dân gian đã được Bộ văn hóa Thể thao và Du lịch công nhận là Di sản văn hóa phi vật thể cấp Quốc gia vào năm 2019. Tùy vào từng vùng miền, điều kiện của địa phương và nhu cầu tín ngưỡng của cư dân mà nghi lễ có sự chuyển đổi khác nhau nhưng đều có chung mục đích là hoằng pháp lợi sinh. Qua đây đã thể hiện được tinh thần nhập thế của chư tổ trong cách hành đạo.

2.2.2. Nhạc lễ Nam Bộ trong khoa nghi ứng phú

Ngoài các nhạc cụ của ban kinh sư thì ban nhạc lễ Nam Bộ giữ vai trò rất quan trọng góp phần tạo nên sự trang nghiêm và thành tựu trong khóa lễ. Nhạc lễ Nam Bộ là âm nhạc được sinh ra do nhu cầu phục vụ tín ngưỡng, lễ thức và đời sống tinh thần của người di dân. Nhạc lễ Nam Bộ là vốn văn hóa dân gian của những lưu dân người Việt vào khai khẩn đất Nam Bộ trong giai đoạn đầu, nhạc lễ Nam Bộ tiếp thu nhạc cung đình, thông qua những người làm “quan nhạc” triều Nguyễn và đồng thời là hệ quả của sự giao lưu, thụ ứng và tiếp biến văn hóa của cư dân vùng đất mới chung sống¹³.

Âm nhạc Phật giáo cũng có đủ các giọng hỷ, nô, ái, ố, ai, lạc... Nhưng chủ yếu sử dụng các giọng: *ai* (tang sự), *xuân* (hỷ sự), *thiền* (Phật sự), *tẩu mã* (cúng cô hồn). Nhìn chung âm nhạc nhịp nhàng, trang trọng, vững chắc. Điều rất quan trọng là ban nhạc phải hòa nhịp và ăn ý với diễn xướng nên ban kinh sư thường có ban nhạc riêng¹⁴.



Ban nhạc lễ tỉnh Tây Ninh (ảnh Phi Thành Phát)

Một ban nhạc lễ Nam Bộ trong khóa lễ Phật giáo cổ truyền gồm từ 3 đến 5 nhạc công được gọi là “*ngũ nhạc*”, hay ở Bến Tre ban nhạc lễ thường có 4 nhạc công nên trong giới họ có câu “*Bến Tre có bốn đồng đen / Đờ cò, Hậu trống, Sa kèn, mõ Công*”¹⁵. Nhạc cụ của ban nhạc lễ gồm có: *chập bạt, đầu, bông, phệt, đồ đường, mõ sừng*

¹³ Nguyễn Thị Mỹ Liêm (2018), *Nhạc lễ dân gian người Việt ở Nam Bộ*, Nxb Văn hóa dân tộc, Hà Nội, tr.16.

¹⁴ Huỳnh Ngọc Trảng (2019), *Gia Định – Sài Gòn hò, hát, lý, vè và diễn xướng lễ hội*, Sđd, tr.381.

¹⁵ Huỳnh Văn Hùng (2016), *Nhạc lễ tỉnh Bến Tre*, Nxb Mỹ thuật, Hà Nội, tr.9.

trâu, trồng chiến¹⁶, trồng com, trồng cái, kèn thau, kèn đại, kèn trung, kèn tiểu mộc, đàn cò, đàn sến, đàn bầu, đàn gáo, đàn ghita,... Các điệu nhạc lễ thường được dùng trong làm khoa nghi như: *Xuân nữ, Nam ai, Nam xuân, Bụa đảo*, đánh trống đàn,... Đặc biệt trong đám Trai đàn, ban nhạc lễ sẽ có buổi tấu nhạc trong khoảng thời gian 30 phút hơn với nhiều bài bản khác nhau để cúng dường.

3. Mộc bản và kinh sách về nghi lễ Phật giáo cổ truyền ở Nam Bộ xưa

Các kinh sách xưa ở Nam Bộ về nghi lễ Phật giáo cổ truyền phần lớn đều được in từ mộc bản tại các trung tâm ứng phú đạo tràng, những ngôi chùa có đào tạo nghi lễ. Bên cạnh đó, khi xưa việc biên soạn sách về nghi lễ bằng cách viết tay cũng khá phổ biến vì không có đủ điều kiện để cho khắc mộc bản và số ít những quyển sách về nghi lễ thiên môn và ứng phú có xuất xứ từ Trung Quốc truyền sang Việt Nam.



Các quyển khoa nghi in từ mộc bản, có đóng ấn “Sắc tứ Từ Ân tự” tại chùa Phước Lưu (ảnh Phí Thành Phát)

Tại tổ đình Phước Lưu (thị xã Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh) hiện còn lưu giữ nhiều quyển sách về nghi lễ Phật giáo cổ truyền quý hiếm và có giá trị về lịch sử và nội dung như quyển *Du Già Đại Khoa Thí Thực Nghi* niên đại Càn Long nhị niên (1797) và có nội dung ghi chép bổ sung của Hòa thượng Trừng Lực ở sau sách; quyển *Thiên Môn Nhật*

Tụng năm Quý Hợi (1863) cả hai quyển này đều có xuất xứ từ Trung Quốc; quyển *Du Già Trung Khoa* in từ mộc bản chùa Giác Viên năm 1894, có sự chứng minh của Hòa thượng Hoàng Ân; quyển *Dược Sư Tán Đấng khoa nghi* in từ mộc bản chùa Hội Khánh năm 1928 do Đại Hòa thượng Từ Văn chứng minh; các quyển *Nghinh Thần Chủ khoa nghi, Thỉnh Phật Thánh khoa nghi, Tịnh Trì Đường khoa nghi, Cấp Thủy Tuyền khoa nghi* in từ mộc bản chùa Từ Ân, trên mỗi quyển đều có đóng ấn “Sắc tứ Từ Ân tự”; các quyển *Mộc Dục khoa nhất quyển, Trí Linh khoa nhất quyển, Tịnh Trì khoa nhất quyển, Cấp Thủy khoa nhất quyển, Thỉnh Thánh khoa nhất quyển, Lược Phát khoa nghi, Hành Trì Phát Tấu khoa nghi, Hiến Thập Cúng khoa nghi* được Giáo

¹⁶ Trồng chiến gồm có hai trồng, trồng bên phải có âm “Tàn”, trồng bên trái có âm “Ton”.

thọ Nguyễn Tấn - Từ Quang (Đệ tứ tổ chùa Phước Lưu) biên soạn vào khoảng những năm 1924-1928. Ngoài ra, chùa còn một số mộc bản về văn sớ, điệp, bìa sớ, bìa điệp, bài vị, hoa văn đầu phan,... có liên quan đến nghi lễ Phật giáo. Qua đây, đã thấy được những đóng góp to lớn của những ngôi tổ đình như Giác Viên, Sắc tứ Từ Ân, Hội Khánh, Phước Lưu,... với nghi lễ Phật giáo cổ truyền ở Nam Bộ.

Những quyển sách về nghi lễ của Phật giáo hơn trăm năm tuổi là nguồn tư liệu quý hiếm mang nhiều dấu ấn quan trọng. Đặc biệt, là những mộc bản có nội dung về khoa nghi ứng phú với số lượng không nhiều nhưng cũng đã góp được phần nào vào di sản chung của mộc bản Phật giáo.

4. Kết luận

Phật giáo đã có mặt ở vùng đất phương Nam từ buổi đầu khai phá. Với tinh thần nhập thế, các vị tăng đã hành trì, tu tập và hoằng pháp bằng nhiều phương tiện khác nhau, trong đó những nghi lễ Phật giáo đã đáp ứng được nhu cầu tâm linh của cư dân nơi đây. Qua lời xướng, tán tụng của các vị tăng hòa trong tiếng mõ, tiếng chuông, tiếng đẩu,... và nhạc lễ Nam Bộ đã trao truyền những lời kinh, ý kệ, lời dạy của đức Phật đến gần hơn với đại chúng. Cùng với các nghi thức, điệu múa, bước đi như vũ đạo sân khấu, đã góp phần tạo nên nét đặc trưng, sự phong phú trong nghệ thuật Phật giáo Nam Bộ. Việc thực hành, truyền dạy và nghiên cứu các nghi lễ Phật giáo cổ truyền, những tư liệu kinh sách và mộc bản về các khoa nghi ứng phú góp phần vào việc bảo tồn di sản văn hóa Phật giáo Nam Bộ.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Thành hội Phật giáo TP. Hồ Chí Minh (2001), *Biên niên sử Phật giáo Gia Định – Sài Gòn – TP. Hồ Chí Minh (1600-1992)*, Nxb Thành phố Hồ Chí Minh.
2. Trần Hồng Liên (2007), *Phật giáo ở Thành phố Hồ Chí Minh*, Nxb Tổng hợp TP.HCM - Nxb Văn hóa Sài Gòn.
3. Trần Hồng Liên (2008), *Chùa Giác Lâm di tích lịch sử văn hóa*, Tái bản lần thứ nhất, Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội.

4. Thích Minh Thời (2008), *Kinh Nhật tụng*, Nxb Tôn giáo, Hà Nội.
5. Thích Hoàn Quan (2015), *Nghi lễ và bách sự nhật dụng*, Nxb Đồng Nai.
6. Huỳnh Văn Hùng (2016), *Nhạc lễ tỉnh Bến Tre*, Nxb Mỹ thuật, Hà Nội.
7. Bích Liên, Nguyễn Văn Thoa (2016), *Mông Sơn thí thực khoa nghi*, Nxb Tôn giáo, Hà Nội.
8. Nguyễn Thị Mỹ Liêm (2018), *Nhạc lễ dân gian người Việt ở Nam Bộ*, Nxb Văn hóa dân tộc, Hà Nội.
9. Huỳnh Ngọc Trảng (2019), *Gia Định – Sài Gòn hò, hát, lý, vè và diễn xướng lễ hội*, Nxb Văn hóa – Văn nghệ, TP. Hồ Chí Minh.
10. Tài liệu do Thượng tọa Thích Thiện Chánh (chùa Phước Lưu, huyện Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh) cung cấp.